TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ TN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 32/2019/DSST
Ngày: 18/7/2019
V/v: "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản; Hợp đồng thế chấp tài sản"

NHÂN DANH
N□ỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TN

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đồng Huy Hưởng
Hội thẩm nhân dân: Ông Dương Văn Xây, ông Trần Trọng Tú

Th- ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Bà Phan Thị Quyên — Thư ký Toà án nhân dân thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Nguyên: Bà Nguyễn Thị Thu Nhung - kiểm sát viên.

Từ ngày 12/7/2019 đến ngày 18/7/2019 tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Thái Nguyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 01/2019/TLST- DS ngày 02 tháng 01 năm 2019. theo quyết định đ- a vụ án ra xét xử số: 52/QĐXX-ST ngày 01/7/2019 giữa các đ- ơng sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng phát trển VN

Người đại diện theo pháp luật: Ông Đào Quang Tr - Tổng giám đốc

Địa chỉ: Số 25 A, phố Cát Linh, quận Đống Đa, Thành phố HN

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Văn Vinh – Giám đốc chi nhánh Ngân hàng phát triển khu vực Bắc Kạn – TN

Địa chỉ: Tổ 16, phường Trưng Vương, thành phố TN, tỉnh TN

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Lưu Bình Dương Tư vấn viên của Trung tâm tư vấn pháp luật và chính sách thuộc Liên hiệp các hội khoa học và kỹ thuật Việt Nam

Địa chỉ: Số 66, ngõ 120 đường Trần Cung, quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội.

Bị đơn: Công ty TNHH thương mại VM

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trần Xuân H – Chủ tịch kiên giám đốc công ty

Địa chỉ: Tổ 19, phường Gia Sàng, thành phố TN, tỉnh TN

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Bùi Văn K - Phó giám đốc công ty

(Các đương sự đều có mặt)

NHẬN THẤY:

Trong đơn khởi kiện và quá trình giải quyết tại Tòa án nguyên đơn trình bày:

1.1. Hợp đồng vay vốn tín dụng đầu tư:

a) Hợp đồng vay vốn tín dụng đầu tư của Nhà nước và các Phụ lục hợp đồng, Hợp đồng sửa đổi, bổ sung kèm theo gồm có:

-Hợp đồng cho vay vốn tín dụng đầu tư số 19/2007/HĐTD ngày 12/11/2007 ký giữa Ngân hàng phát trển VN - Chi nhánh NHPT Khu vực Bắc Kạn - TN và Công ty TNHH thương mại VM;

-Hợp đồng điều chỉnh số 93/2009/HĐTDĐC-NHPT.PC ngày 28/5/2009 ký giữa Ngân hàng phát trển VN - Chi nhánh NHPT Khu vực Bắc Kạn - TN và Công ty TNHH thương mại VM: lùi thời gian trả nợ gốc từ tháng 05/2009 sang tháng 09/2009;

- Hợp đồng điều chỉnh số 161/2009/HĐTDĐC-NHPT.PC ngày 1/12/2009 ký giữa Ngân hàng phát trển VN - Chi nhánh NHPT Khu vực Bắc Kạn - TN và Công ty TNHH thương mại VM: lùi thời gian trả nợ gốc từ tháng 10/2009 sang tháng 01/2010;

- Hợp đồng điều chỉnh số 05/2011/HĐTDĐC-NHPT.PC ngày 29/01/2011 ký giữa Ngân hàng phát trển VN - Chi nhánh NHPT Khu vực Bắc Kạn - TN và Công ty TNHH thương mại VM: lùi thời gian trả nợ gốc từ tháng 01/2010 sang tháng 07/2011;

- Hợp đồng điều chỉnh số 31/2011/HĐTDĐC-NHPT.PC ngày 09/9/2011 ký giữa Ngân hàng phát trển VN - Chi nhánh NHPT Khu vực Bắc Kạn - TN và Công ty TNHH thương mại VM: Điều chỉnh phương thức chuyển nợ quá hạn;

- Hợp đồng điều chỉnh số 19/2012/HĐTDĐC-NHPT.PC ngày 30/6/2012 ký giữa Ngân hàng phát trển VN - Chi nhánh NHPT Khu vực Bắc Kạn - TN và Công ty TNHH thương mại VM: gia hạn nợ, kéo dài thời gian cho vay từ 120 tháng lên 144 tháng.

b) Một số nội dung chủ yếu của Hợp đồng vay vốn tín dụng đầu tư của Nhà nước và các Phụ lục hợp đồng, hợp đồng điều chỉnh, Hợp đồng sửa đổi, bổ sung kèm theo:

+ Số tiền cho vay tối đa: 110.963.000.000 đồng.

+ Lãi suất nợ trong hạn là 8,4%/năm.

+ Thời gian cho vay là 12 năm (144 tháng), tính từ tháng 12/2007.

+ Thời gian ân hạn: 5,3 năm (64 tháng).

+ Kỳ hạn trả nợ gốc: theo tháng.

+ Thời gian trả nợ gốc: 6,6 năm (80 tháng). Thời điểm trả nợ gốc từ tháng 04/2013.

Ngoài ra, Hợp đồng còn thỏa thuận các điều khoản về rút vốn vay (điều kiện rút vốn vay, thời hạn rút vốn và phương thực rút vốn, cam kết của các bên tại Điều 5); Nội dung trả nợ gốc (Điều 6); Nội dung trả nợ lãi (Điều 7); Thứ tự thanh toán nợ (Điều 8); Biện pháp bảo đảm tiền vay (Điều 9): Công ty TNHH thương mại VM dùng tài sản hình thành sau đầu tư (tài sản hình thành từ vốn vay và vốn tự có) để bảo đảm cho nghĩa vụ trả nợ vay theo hợp đồng…chi tiết được thể hiện cụ thể trong Hợp đồng cho vay vốn tín dụng đầu tư số 19/2007/HĐTD ngày 12/11/2007 và các Phụ lục hợp đồng, Hợp đồng sửa đổi, bổ sung kèm theo.

Mục đích sử dụng vốn vay: đầu tư đóng mới tàu chở hàng 7.600 DWT, cấp tầu không hạn chế chạy tuyến quốc tế.

1.2. Hợp đồng vay vốn tín dụng đầu tư theo lãi suất thỏa thuận:

a) Hợp đồng vay vốn tín dụng đầu tư theo lãi suất thỏa thuận và các Hợp đồng sửa đổi, bổ sung kèm theo gồm có:

-Hợp đồng cho vay vốn theo chương trình thí điểm số 004/2007/HĐTD TĐ ngày 12/11/2007 ký giữa Chi nhánh Ngân hàng phát triển Khu vực Bắc Kạn -TN và Công ty TNHH thương mại VM (hợp đồng này đã được thay thế bằng Hợp đồng tín dụng đầu tư cho vay theo lãi suất thỏa thuận số 25/2011/HĐTDĐT-NHPT-BKTN ngày 09/9/2011)

-Hợp đồng cho vay vốn theo chương trình thí điểm điều chỉnh số 95/HĐTDTĐ-NHPT. PC ngày 31/12/2008 ký giữa Chi nhánh Ngân hàng phát triển Khu vực Bắc Kạn -TN và Công ty TNHH thương mại VM: Điều chỉnh lãi suất áp dụng 3 năm đầu (tính từ ngày ký hợp đồng) là 17,8%, mức lãi suất áp dụng đối với các khoản rút vốn từ ngày 06/6/2008;

-Hợp đồng cho vay vốn theo chương trình thí điểm điều chỉnh số 18/2009/HĐTDTĐĐC-NHPT PC ngày 21/01/2009 ký giữa Chi nhánh Ngân hàng phát triển Khu vực Bắc Kạn -TN và Công ty TNHH thương mại VM: Mức lãi suất 10,8% áp dụng đối với khoản giải ngân từ khi vay đến ngày 13/6/2008 số tiền là 6.363.000000 đồng; Mức lãi suất 17,8% đã áp dụng đối với các khoản giải ngân từ ngày 14/6/2008 đến ngày 31/12/2008 là 9.786.000.000 đồng được áp dụng lãi suất 11,4% từ ngày 01/01/2009.

-Hợp đồng điều chỉnh hợp đồng vay vốn theo chương trình thí điểm điều chỉnh số 162/2009/HĐTDTĐĐC-NHPT PC ngày 31/12/2009 ký giữa Chi nhánh Ngân hàng phát triển Khu vực Bắc Kạn -TN và Công ty TNHH thương mại VM: Lùi thời điểm bắt đầu trả nợ từ tháng 01/2010.

-Hợp đồng sửa đổi, bổ sung số 04/2011/HĐTDSĐ-NHPT PC ngày 29/01/2011 ký giữa Chi nhánh Ngân hàng phát triển Khu vực Bắc Kạn -TN và Công ty TNHH thương mại VM: Lùi thời điểm bắt đầu trả nợ từ tháng 7/2011.

-Hợp đồng tín dụng đầu tư cho vay theo lãi suất thỏa thuận số 25/2011/HĐTDĐT-NHPT-BKTN ngày 09/9/2011 ký giữa Chi nhánh Ngân hàng phát triển Khu vực Bắc Kạn -TN và Công ty TNHH thương mại VM: Thực hiện theo chỉ đạo của NHPT Việt Nam tại công văn số 3108/NHPT-TDĐT ngày 29/08/2011 về việc điều chuyển hình thức cho vay xúc tiến (cho vay bù đắp vốn huy động khác) sang hình thức cho vay theo lãi suất thỏa thuận. Hợp đồng này thay thế Hợp đồng cho vay vốn theo chương trình thí điểm số 004/2007/HĐTD TĐ ngày 12/11/2007 và các phụ lục, hợp đồng điều chỉnh, hợp đồng sửa đổi bổ sung đã ký giữa Chi nhánh Ngân hàng phát triển Khu vực Bắc Kạn -TN và Công ty TNHH thương mại VM trước thời điểm ký hợp đồng này hết hiệu lực.

Nội dung thay đổi chủ yếu:

+Xác định số vốn cho vay tối đa là: 16.149.000.000 đồng

+Xác định số vốn còn được giải ngân tiếp tính đến 31/8/2011 là 0 đồng;

+Lùi thời điểm bắt đầu trả nợ từ tháng 9/2011;

-Hợp đồng tín dụng đầu tư cho vay theo lãi suất thỏa thuận sửa đổi, bổ sung số 18/2012/HĐTDSĐ-NHPT-BKTN ngày 30/6/2012 ký giữa Chi nhánh Ngân hàng phát triển Khu vực Bắc Kạn -TN và Công ty TNHH thương mại VM: Gia hạn nợ, kéo dài thời gian cho vay từ 120 tháng lên 144 tháng, thời điểm bắt đầu trả nợ từ tháng 04/2013.

b) Một số nội dung chủ yếu của Hợp đồng vay vốn tín dụng đầu tư theo lãi suất thảo thuận và các Phụ lục hợp đồng, hợp đồng điều chỉnh, Hợp đồng sửa đổi, bổ sung kèm theo:

+ Mức vốn cho vay tối đa: 16.149.000.000 đồng; Số vốn đã giải ngân thực tế: 16.149.000.000 đồng. Số vốn còn tiếp tục giải ngân: 0 đồng.

+ Lãi suất: Lãi suất vay vốn là lãi suất quy định của NHPT tại thời điểm giải ngân. Mức lãi suất 10,8% áp dụng đối với khoản giải ngân từ khi vay đến ngày 13/6/2008 số tiền là 6.363.000000 đồng; Mức lãi suất 17,8% đã áp dụng đối với các khoản giải ngân từ ngày 14/6/2008 đến ngày 31/12/2008 là 9.786.000.000 đồng được áp dụng lãi suất 11,4% từ ngày 01/01/2009.

Lãi suất nợ quá hạn bằng 150% lãi suất nợ trong hạn.

+ Thời gian vay vốn: 12 năm (144 tháng) tính từ tháng 12/2007.

+ Kỳ hạn trả nợ gốc: tháng/kỳ.

+ Thời gian trả nợ gốc: 80 tháng, bắt đầu trả nợ từ tháng 04/2013.

Biện pháp bảo đảm tiền vay (Điều 8): Công ty TNHH thương mại VM dùng tài sản hình thành sau đầu tư (tài sản hình thành từ vốn vay và vốn tự có) và tài sản thế chấp thêm để bảo đảm cho nghĩa vụ trả nợ vay theo hợp đồng.

1.3.Mục đích sử dụng vốn vay: Vốn vay được sử dụng để đầu tư đóng mới tàu chở hàng 7.600 DWT, cấp tầu không hạn chế chạy tuyến quốc tế.

Hợp đồng thế chấp tài sản đảm bảo tiền vay:

Tài sản thế chấp tài sản hình thành trong tương lai (tài sản hình thành từ vốn vay và vốn tự có):

Loại tài sản: Tài sản thế chấp là tàu biển tài sản hình thành sau đầu tư. theo

Giấy chứng nhận đăng ký tầu biển Việt Nam Số đăng ký VN-3750-VT do Cơ quan đăng ký tầu biển và thuyền viên khu vực Hải Phòng cấp ngày 11/11/2014, thông số như sau:

+ Tên tàu: VĂN MINH 68;		+ Trọng tải toàn phần: 7.809,80 MT
+ Hô hiệu/ Số IMO: 3WII9/9669641.		+ Tổng dung tích(GT): 4893 GT
+ Loại tàu: M. Tầu chở hàng tổng hợp		+ Dung tích thực dụng: 2964NT;
+ Chiều dài lớn nhất: 104,300 M		+ Năm đóng hoàn thành: 2014.
+ Chiều rộng: 17,600 M		+ Nơi đóng: Quảng Ninh –Việt Nam
+ Mớn nước: 7,100M;		+ Cảng đăng ký: Hải Phòng.
+ Tổng công suất máy chính: 2647 KW		+ Tổ chức đăng kiểm: Việt Nam.

- Hồ sơ Hợp đồng thế chấp của tài sản này gồm:

+Hợp đồng thế chấp tài sản hình thành từ vốn vay số 20/2007/HĐTCTS-TL ngày 28/11/2007; Hợp đồng thế chấp tài sản hình thành từ vốn vay Số 38/2014/HĐTCTS-NHPT.BKTN ngày 27/11/2014 ký giữa Công ty TNHH thương mại VM và Chi nhánh NHPT Khu vực Bắc Kạn- TN;

+ Giấy chứng nhận đăng ký thế chấp tàu biển ngày 29/11/2007 của cơ quan đăng ký tàu biển và thuyền viên khu vực Hải Phòng;

+Giấy chứng nhận đăng ký thay đổi nội dung thế chấp tàu biển đã đăng ký số 17/ĐKTC-ĐĐ/2012.HP(TĐ) ngày 22/12/2012 của cơ quan đăng ký tàu biển và thuyền viên khu vực Hải Phòng

+Giấy chứng nhận đăng ký thế chấp thay đổi số 138/ĐKTC-2014.HP(TĐ) ngày 02/12/2014.

Các hợp đồng bảo đảm trên đã được công chứng, đăng ký giao dịch bảo đảm theo quy định.

+ Ngoài ra còn có các hợp đồng bảo hiểm tài sản hàng năm cũng là tài sản thế chấp.

Dư nợ gốc và lãi của các Hợp đồng tín dụng tính đến ngày 12/7/2019. Tổng số tiền nợ của Công ty TNHH thương mại VM đối với Ngân hàng phát triển là 315.228.249.767 đồng. Cụ thể như sau:

- Tổng dư nợ gốc: 121.357.373.417 đồng. Trong đó:
- Tổng số lãi phát sinh phải trả: 193.870.876.350 đồng.

Yêu cầu của nguyên đơn:

1) Buộc Công ty TNHH thương mại VM phải trả cho Ngân hàng phát trển VN - Chi nhánh khu vực TN – Bắc Kạn tổng số tiền nợ cho Ngân hàng phát triển là 315.228.249.767 đồng. Cụ thể như sau:

- Tổng dư nợ gốc: 121.357.373.417 đồng;
- Tổng số lãi phát sinh phải trả: 193.870.876.350 đồng.

2) Trong trường hợp Công ty TNHH thương mại VM không trả được nợ hoặc trả không đầy đủ cho Ngân hàng phát trển VN thì đề nghị Tòa án tuyên phát mại tài sản bảo đảm là tàu Văn Minh 68 (đã thế chấp) để thu hồi vốn cho Nhà nước.

Bên phải thi hành án tiếp tục chịu khoản tiền lãi kể từ sau ngày xét xử sơ thẩm (ngày 12/7/2019) đối với khoản nợ gốc cho đến khi thanh toán xong, theo mức lãi suất thỏa thuận trong : Hợp đồng số 19/2007/HĐTD ngày 12/11/2007 và Hợp đồng số 25/2011/HĐTDĐT-NHPT-BKTN ngày 09/9/2011 và các hợp đồng điều chỉnh hai hợp đồng trên.

Bản tự khai và ý kiến của bị đơn tại phiên tòa:

Theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì Công ty TNHH thương mại VM đã ký 02 hợp đồng đầu tư như nguyên đơn nêu là đúng. Thời gian qua Công ty TNHH thương mại VM đã không trả nợ được, Công ty TNHH thương mại VM đã nhiều lần khất nợ nhưng vẫn không trả được, nay nguyên đơn khởi kiện yêu cầu trả nợ với số tiền tính đến ngày 12/7/2019 là tổng số tiền nợ cho Ngân hàng

phát triển là 315.228.249.767 đồng (Ba trăm mươi năm tỷ, hai trăn hai mươi tám triệu, hai trăm bốn mươi chín nghìn, bẩy trăm sáu mươi bẩy đồng) trong đó:

- Tổng dư nợ gốc: 121.357.373.417 đồng;
- Tổng số lãi phát sinh phải trả: 193.870.876.350 đồng.

Công ty TNHH thương mại VM đồng ý trả nợ.

Trường hợp Công ty TNHH thương mại VM không trả được nợ hoặc trả không đầy đủ cho Ngân hàng phát trển VN thì Ngân hàng có quyền đề nghị Tòa án tuyên phát mại tài sản bảo đảm là tàu Văn Minh 68 (đã thế chấp) để trả nợ.

Tại phiên tòa nguyên đơn, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; Bị đơn xác nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và chấp nhận với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố TN phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Thẩm phán đã tiến hành thụ lý giải quyết vụ án, tiến hành các thủ tục tố tụng đúng quy định của pháp luật. Tại phiên tòa HĐXX đã chấp hành đúng theo quy định của pháp luật.

- Về nội dung: Theo Hợp đồng số: 19/2007/HĐTD ngày 12/11/2007 và Hợp đồng số: 25/2011/HĐTDĐT-NHPT-BKTN ngày 09/9/2011 và các hợp đồng điều chỉnh hai hợp đồng trên thì Ngân hàng phát trển VN cho Công ty TNHH thương mại VM vay số tiền 121.357.373.417 đồng. Tính đến ngày 12/7/2019 số tiền số lãi phát sinh: 193.870.876.350 đồng. Tổng cộng là 315.228.249.767 đồng. Do Công ty TNHH thương mại VM đã vi phạm hợp đồng nên Ngân hàng phát trển VN đã khởi kiện ra Tòa để yêu cầu giải quyết tranh chấp hợp đồng tín dụng nói trên.

Nay Ngân hàng phát trển VN yêu cầu Công ty TNHH thương mại VM trả toàn bộ số tiền gốc và lãi là có căn cứ. Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu trên của Ngân hàng phát trển VN. Buộc Công ty TNHH thương mại VM trả nợ cho Ngân hàng phát trển VN số tiền nợ này.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Ngân hàng phát trển VN yêu cầu giải quyết đòi nợ Công ty TNHH thương mại VM nên xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" tại khoản 1 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự. Khi tranh chấp Công ty TNHH thương mại VM là Bị đơn có nơi cư trú tại Tổ 19, phường Gia Sàng, thành phố TN, tỉnh TN nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố TN theo quy định tại Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung tranh chấp: Có 02 yêu cầu giải quyết của nguyên đơn

2.1. Yêu cầu thứ nhất: Xét Hợp đồng số: 19/2007/HĐTD ngày 12/11/2007 và Hợp đồng số: 25/2011/HĐTDĐT-NHPT-BKTN ngày 09/9/2011 và các hợp đồng điều chỉnh hai hợp đồng trên đã được thực hiện đúng theo quy định của pháp luật.

Sau khi ký kết hợp đồng Ngân hàng phát trển VN cho Công ty TNHH

thương mại VM vay tính đến ngày 12/7/2019 số tiền gốc còn nợ là 121.357.373.417 đồng, số tiền lãi phát sinh: 193.870.876.350 đồng. Tổng cộng là 315.228.249.767 đồng (Ba trăm mươi năm tỷ, hai trăn hai mươi tám triệu, hai trăm bốn mươi chín nghìn, bẩy trăm sáu mươi bẩy đồng). Do Công ty TNHH thương mại VM đã vi phạm hợp đồng nên Ngân hàng phát trển VN đã khởi kiện ra Tòa để yêu cầu giải quyết tranh chấp hợp đồng tín dụng nói trên.

Nay Ngân hàng phát trển VN yêu cầu Công ty TNHH thương mại VM trả toàn bộ số tiền gốc và lãi HĐXX thấy yêu cầu trên của Ngân hàng phát trển VN là có căn cứ chấp nhận. Buộc Công ty TNHH thương mại VM trả nợ cho Ngân hàng phát trển VN số tiền nợ này.

2.2. Yêu cầu thứ hai: Xét Hợp đồng thế chấp tài sản hình thành từ vốn vay số 20/2007/HĐTCTS-TL ngày 28/11/2007; Hợp đồng thế chấp tài sản hình thành từ vốn vay Số 38/2014/HĐTCTS-NHPT.BKTN ngày 27/11/2014 ký giữa Công ty TNHH thương mại VM và Chi nhánh NHPT Khu vực Bắc Kạn- TN;

Giấy chứng nhận đăng ký thế chấp tàu biển ngày 29/11/2007 của cơ quan đăng ký tàu biển và thuyền viên khu vực Hải Phòng nay là tàu Văn Minh 68;

Giấy chứng nhận đăng ký thay đổi nội dung thế chấp tàu biển đã đăng ký số 17/ĐKTC-ĐĐ/2012.HP(TĐ) ngày 22/12/2012 của cơ quan đăng ký tàu biển và thuyền viên khu vực Hải Phòng

Giấy chứng nhận đăng ký thế chấp thay đổi số: 138/ĐKTC-2014.HP(TĐ) ngày 02/12/2014.

Ngoài ra còn có các hợp đồng bảo hiểm tài sản hàng năm cũng là tài sản thế chấp.

Các hợp đồng bảo đảm này đã được công chứng, đăng ký giao dịch bảo đảm theo quy định của pháp luật nên có hiệu lực buộc các bên thi hành.

[3]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Công ty TNHH thương mại VM phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[4]. Về quyền kháng cáo: Các đ- ơng sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Bởi các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 26, 35, 39, 146, 147, 235, 271 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ các Điều 463, Điều 466, Điều 468 của Bộ luật Dân sự;

Luật án phí và lệ phí số: 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng phát trển VN.

1. Buộc Công ty TNHH thương mại VM trả nợ cho Ngân hàng phát trển VN tính đến ngày 12/7/2019 tổng số tiền nợ là 315.228.249.767 đồng (Ba trăm mười năm tỷ, hai trăm hai mươi tám triệu, hai trăm bốn mươi chín nghìn, bẩy trăm sáu mươi bẩy đồng) trong đó:

- Tổng dư nợ gốc: 121.357.373.417 đồng;

- Tổng số lãi phát sinh: 193.870.876.350 đồng.

2. Kể kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong Hợp đồng số: 19/2007/HĐTD ngày 12/11/2007 và Hợp đồng số: 25/2011/HĐTDĐT-NHPT-BKTN ngày 09/9/2011 và các hợp đồng điều chỉnh hai hợp đồng trên.

3. Trường hợp Công ty TNHH thương mại VM không trả được nợ hoặc trả không đầy đủ cho Ngân hàng phát trển VN thì cơ quan Thi hành án dân sự có quyền phát mại tài sản bảo đảm là tàu Văn Minh 68 (đã thế chấp) để thu hồi vốn cho ngân hàng. Nếu số tiền phát mại không đủ trả nợ thì Công ty TNHH thương mại VM tiếp tục phải trả số nợ còn lại.

4. □n phí: Công ty TNHH thương mại VM phải nộp 423.228.249 đồng *(Bốn trăm hai mươi ba triệu, hai trăm hai mươi tám nghìn, hai trăm bốn mươi chín đồng)* tiền án phí dân sự sơ thẩm vào ngân sách nhà nước. Hoàn trả lại Ngân hàng phát trển VN 201.421.000 *(Hai trăm không một triệu, bốn trăm hai mươi mốt nghìn đồng)* tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thái Nguyên (biên lai số 0007166 ngày 26/12/2018).

Tr- ờng hợp bản án đ- ợc thi hành theo quy định điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì ng- ời đ- ợc thi hành án dân sự, ng- ời phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị c- ỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7,9 Luật thi hành án Dân sự. Thời hiệu thi hành án đ- ợc quy định tại Điều 30 Luật thi hành án Dân sự.

5. Quyền kháng cáo: □n xử công khai sơ thẩm đ- ơng sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh TN;
- VKSNDTPTN;
- THADSTPTN;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Đồng Huy Hưởng